

(Đề thi gồm có 04 trang)

Mã đề thi 356

Họ, tên học sinh:..... lớp:

Câu 1: Cho các quần xã sinh vật sau:

- (1) Rừng thưa cây gỗ nhỏ ưa sáng. (2) Cây bụi và cây cỏ chiếm ưu thế.
(3) Cây gỗ nhỏ và cây bụi. (4) Rừng lim nguyên sinh. (5) Trảng cỏ.

Sơ đồ đúng về quá trình diễn thế thứ sinh dẫn đến quần xã bị suy thoái tại rừng lim Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn là

- A. (2) →(3) →(1) →(5) →(4). B. (4) →(1) →(3) →(2) →(5).
C. (4) →(5) →(1) →(3) →(2). D. (5) →(3) →(1) →(2) →(4).

Câu 2: Cho các dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật sau:

(1) Ở miền Bắc Việt Nam, số lượng bò sát giảm mạnh vào những năm có mùa đông giá rét, nhiệt độ xuống dưới 8°C.

(2) Ở Việt Nam, vào mùa xuân và mùa hè có khí hậu ẩm áp, sâu hại xuất hiện nhiều.

(3) Số lượng cây tràm ở rừng U Minh Thượng giảm mạnh sau sự cố cháy rừng tháng 3 năm 2002.

(4) Hàng năm, chim cu gáy thường xuất hiện nhiều vào mùa thu hoạch lúa, ngô.

Những dạng biến động số lượng cá thể của quần thể sinh vật theo chu kì là

- A. (2) và (4). B. (2) và (3). C. (1) và (4). D. (1) và (3).

Câu 3: Khi kích thước của quần thể giảm xuống dưới mức tối thiểu thì

A. trong quần thể có sự cạnh tranh gay gắt giữa các cá thể.

B. quần thể dễ rơi vào trạng thái suy giảm dẫn đến diệt vong.

C. khả năng sinh sản của quần thể tăng do cơ hội gặp nhau giữa các cá thể đực với cá thể cái nhiều hơn.

D. sự hỗ trợ giữa các cá thể tăng, quần thể có khả năng chống chọi tốt với những thay đổi của môi trường.

Câu 4: Cho chuỗi thức ăn: Cây ngô →Sâu ăn lá ngô →Nhái →Rắn hổ mang →Diều hâu. Trong chuỗi thức ăn này, nhái là động vật tiêu thụ

- A. bậc 2. B. bậc 3. C. bậc 4. D. bậc 1.

Câu 5: Khi nói về chuỗi và lưới thức ăn, phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Trong một quần xã, mỗi loài sinh vật chỉ tham gia vào một chuỗi thức ăn.

B. Trong một lưới thức ăn, mỗi bậc dinh dưỡng chỉ có một loài.

C. Khi thành phần loài trong quần xã thay đổi thì cấu trúc lưới thức ăn cũng bị thay đổi.

D. Tất cả các chuỗi thức ăn đều được bắt đầu từ sinh vật sản xuất.

Câu 6: Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến

A. sự phát triển của một loài nào đó trong quần xã.

B. làm giảm độ đa dạng sinh học của quần xã.

C. trạng thái cân bằng sinh học trong quần xã.

D. sự tiêu diệt của một loài nào đó trong quần xã.

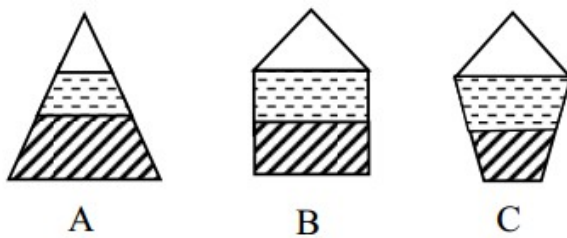
Câu 7: Trong trường hợp không có nhập cư và xuất cư, kích thước của quần thể sinh vật sẽ tăng lên khi

- A. mức độ sinh sản tăng, mức độ tử vong giảm.
- B. mức độ sinh sản giảm, mức độ tử vong tăng.
- C. mức độ sinh sản giảm, sự cạnh tranh tăng.
- D. mức độ sinh sản không thay đổi, mức độ tử vong tăng.

Câu 8: Quần thể sinh vật tăng trưởng theo tiềm năng sinh học trong điều kiện nào sau đây?

- A. Không gian cư trú của quần thể bị giới hạn, gây nên sự biến động số lượng cá thể.
- B. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, gây nên sự xuất cư theo mùa.
- C. Nguồn sống trong môi trường rất dồi dào, hoàn toàn thỏa mãn nhu cầu của các cá thể.
- D. Nguồn sống trong môi trường không hoàn toàn thuận lợi, hạn chế về khả năng sinh sản của loài.

Câu 9: Tháp tuổi của 3 quần thể sinh vật với trạng thái phát triển khác nhau như sau:



Quy ước:

- A: Tháp tuổi của quần thể 1
- B: Tháp tuổi của quần thể 2
- C: Tháp tuổi của quần thể 3
- Nhóm tuổi trước sinh sản
- Nhóm tuổi đang sinh sản
- Nhóm tuổi sau sinh sản

Quan sát 3 tháp tuổi trên có thể biết được

- A. quần thể 2 đang phát triển, quần thể 1 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).
- B. quần thể 3 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 1 suy giảm (suy thoái).
- C. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 3 ổn định, quần thể 2 suy giảm (suy thoái).
- D. quần thể 1 đang phát triển, quần thể 2 ổn định, quần thể 3 suy giảm (suy thoái).

Câu 10: Mỗi quan hệ vật kí sinh - vật chủ và mỗi quan hệ vật ăn thịt - con mồi giống nhau ở đặc điểm nào sau đây?

- A. Đều làm chết các cá thể của loài bị hại.
- B. Loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.
- C. Đều là mối quan hệ đối kháng giữa hai loài.
- D. Loài bị hại luôn có kích thước cá thể nhỏ hơn loài có lợi.

Câu 11: Cho các thông tin về diễn thế sinh thái như sau:

- (1) Xuất hiện ở môi trường đã có một quần xã sinh vật từng sống.
- (2) Có sự biến đổi tuần tự của quần xã qua các giai đoạn tương ứng với sự biến đổi của môi trường.
- (3) Song song với quá trình biến đổi quần xã trong diễn thế là quá trình biến đổi về các điều kiện tự nhiên của môi trường.
- (4) Luôn dẫn tới quần xã bị suy thoái.

Các thông tin phản ánh sự giống nhau giữa diễn thế nguyên sinh và diễn thế thứ sinh là

- A. (1) và (4).
- B. (3) và (4).
- C. (2) và (3).
- D. (1) và (2).

Câu 12: Cho các nhóm sinh vật trong một hệ sinh thái:

- (1) Thực vật nổi. (2) Động vật nổi. (3) Giun đất. (4) Cỏ. (5) Cá ăn thịt.

Các nhóm sinh vật thuộc bậc dinh dưỡng cấp 1 của hệ sinh thái trên là

- A. (2) và (3).
- B. (3) và (4).
- C. (1) và (4).
- D. (2) và (5).

- Câu 24:** Khi nói về thành phần hữu sinh của hệ sinh thái, phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Thực vật là nhóm sinh vật duy nhất có khả năng tổng hợp chất hữu cơ từ chất vô cơ.
 - B. Nấm là một nhóm sinh vật có khả năng phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.
 - C. Tất cả các loài vi khuẩn đều là sinh vật phân giải, chúng có vai trò phân giải các chất hữu cơ thành các chất vô cơ.
 - D. Sinh vật tiêu thụ gồm các động vật ăn thực vật, động vật ăn động vật và các vi khuẩn.
- Câu 25:** Trong các quần xã sinh vật sau đây, quần xã nào có mức đa dạng sinh học cao nhất?
- A. Rừng mưa nhiệt đới.
 - B. Hoang mạc.
 - C. Thảo nguyên.
 - D. Savan.
- Câu 26:** Thời gian sống có thể đạt tới của một cá thể được gọi là
- A. tuổi quần thể.
 - B. tuổi sinh thái.
 - C. tuổi sinh sản.
 - D. tuổi sinh lí.
- Câu 27:** Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì điều nào dưới đây là cần làm hơn cả ?
- A. Nuôi nhiều loài cá thuộc cùng một chuỗi thức ăn
 - B. Nuôi nhiều loài cá với mật độ càng cao càng tốt.
 - C. Nuôi một loài cá thích hợp với mật độ cao và cho dư thừa thức ăn.
 - D. Nuôi nhiều loài cá sống ở các tầng nước khác nhau.
- Câu 28:** Để xác định mật độ của một quần thể, người ta cần biết số lượng cá thể trong quần thể và
- A. diện tích hoặc thể tích khu vực phân bố của chúng.
 - B. tỉ lệ sinh sản và tỉ lệ tử vong của quần thể.
 - C. kiểu phân bố của các cá thể trong quần thể.
 - D. các yếu tố giới hạn sự tăng trưởng của quần thể.
- Câu 29:** Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của quần thể giao phối?
- A. Tỉ lệ các nhóm tuổi.
 - B. Độ đa dạng về loài.
 - C. Mật độ cá thể.
 - D. Tỉ lệ giới tính.
- Câu 30:** Giả sử một lưới thức ăn đơn giản gồm các sinh vật được mô tả như sau: cào cào, thỏ và nai ăn thực vật; chim sâu ăn cào cào; báo ăn thỏ và nai; mèo rừng ăn thỏ và chim sâu. Trong lưới thức ăn này, các sinh vật cùng thuộc bậc dinh dưỡng cấp 2 là :
- A. chim sâu, thỏ, mèo rừng.
 - B. cào cào, thỏ, nai.
 - C. chim sâu, mèo rừng, báo.
 - D. cào cào, chim sâu, báo.

----- HẾT -----